

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
XÃ THỌ PHONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 13/NQ-HĐND

Thọ Phong, ngày 12 tháng 8 năm 2025

NGHỊ QUYẾT

Ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thọ Phong khoá I, nhiệm kỳ 2021 - 2026

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ THỌ PHONG
KHÓA I, KỲ HỌP THỨ HAI**

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân ngày 20/11/2015;

Căn cứ Luật Tiếp công dân ngày 25/11/2013 và các văn bản pháp luật có liên quan;

Căn cứ Nghị quyết số 594/NQ-UBTVQH15 ngày 12/9/2022 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Ban của Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân;

Căn cứ Nghị quyết số 629/2019/UBTVQH14 ngày 30/01/2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn một số hoạt động của Hội đồng nhân dân;

Xét Tờ trình số 06/TTr-HĐND ngày 30/7/2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân xã Thọ Phong về ban hành Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thọ Phong khoá I, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Báo cáo thẩm tra của các Ban HĐND xã và ý kiến của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thọ Phong khóa I, nhiệm kỳ 2021 – 2026.

Điều 2. Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Văn phòng HĐND và UBND xã, các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân xã Thọ Phong khoá I, kỳ họp thứ hai thông qua ngày 12 tháng 8 năm 2025 và có hiệu lực kể từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Các Ban HĐND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành tỉnh;
- TT Đảng ủy, TT HĐND xã;
- UBND, UBMTTQVN xã;
- Các Ban HĐND xã;
- Đại biểu HĐND xã;
- Các cơ quan chuyên trách TMGV Đảng ủy;
- Các cơ quan chuyên môn của UBND xã;
- CVP, PVP;
- Lưu: VT. 

báo cáo



CHỦ TỊCH

Huỳnh Thị Sương

MỤC LỤC

Chương I: QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Phạm vi điều chỉnh	1
Điều 2. Đối tượng áp dụng và Nguyên tắc tổ chức hoạt động, cơ cấu tổ chức	1
Chương II: KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ.....	2
Điều 3. Kỳ họp HĐND xã.....	2
Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp HĐND xã.....	2
Điều 5. Trách nhiệm các Ban của HĐND xã trong công tác thẩm tra	2
Điều 6. Trách nhiệm của đại biểu HĐND xã tại kỳ họp.....	2
Điều 7. Thảo luận tại kỳ họp HĐND xã.....	3
Điều 8. Thư ký kỳ họp của HĐND xã	3
Điều 9. Chuẩn bị và triệu tập kỳ họp HĐND xã	3
Điều 10. Trình bày báo cáo, đề án, dự thảo Nghị quyết tại kỳ họp HĐND xã.....	5
Điều 11. Biểu quyết tại kỳ họp HĐND xã	5
Điều 12. Lấy phiếu tín nhiệm	5
Điều 13. Bỏ phiếu tín nhiệm.....	6
Điều 14. Thông qua, ban hành và lưu trữ nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp HĐND xã	7
Chương III: THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ.....	8
Điều 15. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc	8
Điều 16. Phiên họp Thường trực HĐND xã.....	8
Điều 17. Phạm vi, thẩm quyền ký văn bản.....	9
Điều 18. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí.....	9
Điều 19. Tiếp công dân của Thường trực HĐND xã.....	09
Chương IV: CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	10
Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban HĐND xã.....	10
Điều 21. Số lượng thành viên, cơ cấu thành phần.....	10
Điều 22. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động	11
Điều 23. Chế độ làm việc	11
Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, PTB và ủy viên các Ban HĐND xã	11
Điều 25. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban HĐND xã.....	12

Chương V: TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ	12
Điều 26. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu HĐND xã	12
Điều 27. Trách nhiệm Tổ trưởng, tổ phó và các thành viên	12
Chương VI: ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ.....	13
Điều 28. Đại biểu HĐND xã.....	13
Điều 29. Quyền hạn của đại biểu HĐND xã	13
Điều 30. Về thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu HĐND xã.....	14
Chương VII: HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HĐND, TT HĐND, CÁC BAN HĐND, CÁC TỔ ĐẠI BIỂU HĐND VÀ ĐẠI BIỂU HĐND	14
Điều 31. Nguyên tắc giám sát và thẩm quyền giám sát.....	14
Điều 32. Chương trình giám sát hàng năm	15
Điều 33. Hoạt động giám sát, khảo sát của HĐND và các Ban HĐND xã	15
Điều 34. Quy định về giám sát thi hành pháp luật ở địa phương.....	16
Điều 35. Xem xét báo cáo	16
Điều 36. Giám sát văn bản QPPL	17
Điều 37. Giải trình tại phiên họp TT HĐND xã.....	19
Điều 38. Giám sát việc khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân.....	19
Điều 39. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri.....	19
Điều 40. Giám sát chuyên đề.....	20
Điều 41. Quy trình giám sát chuyên đề.....	20
Điều 42. Trách nhiệm giám sát và thực hiện các kiến nghị sau giám sát.....	22
Chương VIII: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ...23	23
MỤC 1: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TT HĐND XÃ.....	23
Điều 43. Đối với HĐND tỉnh, TT HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và các cơ quan của tỉnh	23
Điều 44. Đối với Đảng ủy, BTV và BTT Đảng ủy xã.....	23
Điều 45. Quan hệ công tác với UBND và Chủ tịch UBND xã.....	23
Điều 46. Đối với cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy xã	24
Điều 47. Đối với UBMTTQVN xã	24
Điều 48. Đối với các Ban HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã.....	24
Điều 49. Đối với VP HĐND và UBND xã	24
MỤC 2: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN HĐND XÃ.....	24

Điều 50. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban HĐND xã với UBND xã và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã.....	24
Điều 51. Đối với HĐND, TT HĐND xã.....	25
MỤC 3: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HĐND XÃ.....	25
Điều 52. Quan hệ công tác giữa Tổ đại biểu HĐND xã với TT HĐND xã.....	25
MỤC 4: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG.....	25
Điều 53. Điều kiện bảo đảm hoạt động.....	25
Điều 54. Chế độ chính sách khen thưởng	26
Chương IX: ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH.....	26
Điều 55. Trách nhiệm thi hành	26
Điều 56. Sửa đổi, bổ sung.....	26

Thọ Phong, ngày 30 tháng 7 năm 2025

QUY CHẾ

**Hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân,
các Ban, các Tổ đại biểu và Đại biểu Hội đồng nhân dân xã Thọ Phong
khoá I, nhiệm kỳ 2021 – 2026**

*(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 13/NQ-HĐND, ngày 12 tháng 8 năm 2025
của HĐND xã Thọ Phong khoá I, nhiệm kỳ 2021- 2026)*

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế này quy định việc tổ chức kỳ họp; nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc; quan hệ công tác và điều kiện bảo đảm hoạt động của HĐND, TT HĐND, các Ban, các Tổ đại biểu và Đại biểu HĐND xã Thọ Phong khoá I, nhiệm kỳ 2021 - 2026.

Điều 2. Đối tượng áp dụng và nguyên tắc tổ chức hoạt động, cơ cấu tổ chức

1- Đối tượng áp dụng

HĐND, Thường trực HĐND, các Ban, Tổ đại biểu, đại biểu HĐND xã, Văn phòng HĐND và UBND xã và các cơ quan, tổ chức liên quan.

2- Nguyên tắc tổ chức hoạt động, cơ cấu tổ chức

1. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động theo Điều 4 của Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2025 (Luật).

2. Thường trực HĐND xã là cơ quan Thường trực của HĐND, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định khác của pháp luật có liên quan và quy chế này; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác với Thường trực HĐND tỉnh, Đảng ủy và HĐND xã.

3. Các Ban HĐND là cơ quan của HĐND, chịu trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ theo quy định của Luật và Quy chế này; báo cáo công tác trước HĐND, Thường trực HĐND, ban hành văn bản và được sử dụng con dấu của HĐND xã để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.

4. Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân do Thường trực HĐND thành lập trên cơ sở các đại biểu Hội đồng nhân dân được bầu ở một hoặc nhiều đơn vị bầu cử hợp thành.

5. Đại biểu HĐND xã thực hiện các nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của Luật; được bình đẳng trong thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của HĐND xã.

6. Văn phòng HĐND và UBND xã, bộ phận chuyên trách tham mưu giúp việc cho

HĐND chịu trách nhiệm trước Thường trực HĐND về kết quả thực hiện các nhiệm vụ được giao.

Chương II

TỔ CHỨC KỲ HỌP HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 3. Kỳ họp Hội đồng nhân dân

1. HĐND xã họp mỗi năm ít nhất hai kỳ (tổ chức vào tháng 7 và tháng 12 hằng năm).
2. Họp chuyên đề theo yêu cầu của Thường trực HĐND, UBND hoặc 1/3 tổng số đại biểu, hoặc theo kiến nghị của cử tri có chữ ký từ 10% trở lên.
3. Họp công khai, trừ trường hợp quyết định họp kín theo luật định.

Điều 4. Trách nhiệm của Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân gồm: Chủ tịch, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân.
2. Chủ tọa kỳ họp Hội đồng nhân dân có trách nhiệm điều hành các phiên họp đảm bảo đúng quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân xã và chương trình nội dung kỳ họp đã được Hội đồng nhân dân xã thông qua.

Điều 5. Trách nhiệm các Ban của HĐND xã trong công tác thẩm tra

1. Các Ban của HĐND xã theo lĩnh vực phụ trách và phân công của Thường trực HĐND, thực hiện thẩm tra các báo cáo, Đề án, Tờ trình, dự thảo Nghị quyết theo quy định của Luật và theo Quy chế này. Trước khi họp toàn thể Ban để thẩm tra, Ban báo cáo Chủ tịch hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã về kết quả nghiên cứu, khảo sát, xin ý kiến chỉ đạo trước khi tổ chức họp thẩm tra.
2. Các Ban của HĐND chủ động phối hợp với Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn của UBND xã trong quá trình xây dựng Đề án, Báo cáo, Tờ trình và dự thảo Nghị quyết để trình Hội đồng nhân dân.

Điều 6. Trách nhiệm của đại biểu Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp

1. Chấp hành các quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Quy chế hoạt động của Hội đồng nhân dân và điều hành của Chủ tọa kỳ họp.
2. Tham dự đầy đủ các kỳ họp, phiên họp của Hội đồng nhân dân xã; tham gia thảo luận và biểu quyết các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân. Trường hợp không tham dự kỳ họp, phiên họp thì phải có lý do và báo cáo trước Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã. Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã không tham dự các kỳ họp liên tục trong 01 năm mà không có lý do thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã phải báo cáo Hội đồng nhân dân xã để bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân đó theo quy định.
3. Trong kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện những nhiệm vụ sau đây:
 - a) Nghiêm túc chấp hành nội quy kỳ họp;

b) Tham gia thảo luận và quyết định các vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của Hội đồng nhân dân;

c) Khi dự kỳ họp đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải đeo phù hiệu đại biểu và ngồi đúng vị trí quy định. Trong giờ họp không sử dụng điện thoại di động, để điện thoại ở chế độ rung, không trao đổi chuyện riêng, hạn chế đi lại, không ra ngoài làm việc riêng hoặc để trả lời phỏng vấn của phóng viên (việc trả lời phỏng vấn thực hiện vào giờ nghỉ của các phiên họp).

đ) Tại phiên khai mạc, bế mạc, đại biểu mặc trang phục bộ áo dài truyền thống đối với đại biểu nữ; áo sơ mi (hoặc veston) đối với đại biểu nam.

e) Khi đi họp, đại biểu mang theo tài liệu đã được gửi trước và quản lý, sử dụng tài liệu kỳ họp theo quy định, không được tiết lộ nội dung tài liệu mật, nội dung các phiên họp kín của Hội đồng nhân dân xã. Đại biểu có trách nhiệm nghiên cứu trước tài liệu và tích cực tham gia ý kiến thảo luận tại kỳ họp.

f) Tại phiên họp, đại biểu có ý kiến phát biểu phải đăng ký trước với Thư ký kỳ họp, hoặc giơ tay để đăng ký phát biểu và được sự đồng ý của Chủ tọa kỳ họp mới được phát biểu. Mỗi đại biểu có thể phát biểu nhiều lần, mỗi lần không quá 10 phút. Chủ tọa kỳ họp có quyền nhắc đại biểu nếu phát biểu không đúng trọng tâm nội dung thảo luận hoặc quá thời gian quy định.

Điều 7. Thảo luận tại kỳ họp HĐND xã

1. Căn cứ vào tình hình thực tế, Thường trực HĐND xã quyết định việc thảo luận tại hội trường hoặc thảo luận tổ.

2. Trường hợp chia tổ thảo luận, Thường trực HĐND thành lập Tổ thảo luận gồm Tổ trưởng, Tổ phó và ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân để thảo luận về chương trình và các nội dung trình tại kỳ họp.

Điều 8. Thư ký kỳ họp của HĐND xã

1. Thư ký kỳ họp Hội đồng nhân dân xã có từ 1 đến 2 thành viên (gồm Văn phòng UBND xã và đại biểu HĐND xã) do Chủ tọa kỳ họp đề xuất, chỉ định tại mỗi kỳ họp.

2. Thư ký kỳ họp có trách nhiệm:

a) Lập danh sách đại biểu Hội đồng nhân dân có mặt, vắng mặt trong các phiên họp và trong kỳ họp;

b) Ghi biên bản phiên họp, kỳ họp;

c) Tổng hợp đầy đủ, trung thực, chính xác ý kiến của đại biểu tại phiên họp toàn thể và tại cuộc họp Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân;

d) Giúp Chủ tọa kỳ họp trong việc thực hiện quy trình, thủ tục tại kỳ họp, cung cấp thông tin, tài liệu tuyên truyền về kỳ họp;

đ) Thực hiện nhiệm vụ khác theo sự phân công của Chủ tọa kỳ họp.

Điều 9. Chuẩn bị và triệu tập kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Kỳ họp thường lệ

a) Chậm nhất là 40 (bốn mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã chủ trì tổ chức họp liên tịch với Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, và các cơ quan liên quan để dự kiến nội dung kỳ họp, những vấn đề khác có liên quan đến kỳ họp và phân công trách nhiệm chuẩn bị các nội dung phục vụ kỳ họp.

b) Chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy về dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp để xin ý kiến và chủ trương.

c) Chậm nhất là 25 (hai mươi lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã ban hành thông báo dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp; phối hợp với Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp xây dựng và ban hành kế hoạch tiếp xúc cử tri.

d) Chậm nhất là 22 (hai mươi hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp, gửi tài liệu phục vụ tiếp xúc cử tri đến các đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

đ) Chậm nhất là 12 (mười hai) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, các Ban của Hội đồng nhân dân xã tiến hành họp thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Các Ban của Hội đồng nhân dân xã gửi báo cáo thẩm tra cho Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

e) Chậm nhất là 05 (năm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy nội dung chính thức và chương trình điều hành kỳ họp; thông báo về ngày họp, nơi họp và dự kiến nội dung, chương trình kỳ họp trên phương tiện thông tin đại chúng để nhân dân được biết và theo dõi.

f) Chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi tài liệu và thư triệu tập cho đại biểu Hội đồng; giấy mời dự kỳ họp đến các đại biểu mời không phải là đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Kỳ họp chuyên đề hoặc họp để giải quyết các công việc phát sinh đột xuất

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định triệu tập kỳ họp chậm nhất là 7 (bảy) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

b) Quyết định triệu tập kỳ họp và dự kiến chương trình kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng tại địa phương chậm nhất là 03 ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

c) Thời gian chuẩn bị các nội dung cho kỳ họp do Thường trực Hội đồng nhân dân xã quyết định và phải được Thường trực Đảng ủy thống nhất.

3. Kỳ họp tổng kết

a) Kỳ họp tổng kết Hội đồng nhân dân xã cuối nhiệm kỳ được tiến hành chậm nhất là 30 (ba mươi) ngày trước ngày bầu cử khóa mới.

b) Tại kỳ họp tổng kết Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã; Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã thông báo công tác tham gia xây dựng chính quyền trong cả nhiệm kỳ.

Điều 10. Trình bày báo cáo, đề án, dự thảo nghị quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Các cơ quan, đơn vị chuẩn bị báo cáo và trình dự thảo nghị quyết có trách nhiệm trình bày, báo cáo Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp theo sự phân công, điều hành của Chủ tọa kỳ họp.

2. Thời gian trình bày các báo cáo, tờ trình, dự thảo nghị quyết tùy theo nội dung cụ thể mà chủ trì kỳ họp điều hành.

3. Các nội dung thảo luận được ghi vào biên bản kỳ họp của Hội đồng nhân dân xã.

Điều 11. Biểu quyết tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Hội đồng nhân dân xã quyết định các vấn đề tại kỳ họp bằng hình thức biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền biểu quyết tán thành, không tán thành hoặc không biểu quyết. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã không được biểu quyết thay cho đại biểu Hội đồng nhân dân khác.

2. Hội đồng nhân dân xã quyết định áp dụng một trong các hình thức biểu quyết sau:

a) Biểu quyết công khai;

b) Bỏ phiếu kín.

3. Trình tự biểu quyết tại kỳ họp tiến hành như sau:

a) Chủ tọa kỳ họp nêu rõ nội dung cần biểu quyết;

b) Đại biểu Hội đồng nhân dân xã biểu quyết;

c) Chủ tọa công bố kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng giơ tay. Trưởng Ban kiểm phiếu báo cáo kết quả biểu quyết trong trường hợp biểu quyết bằng bỏ phiếu kín.

Điều 12. Lấy phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm đối với những người giữ các chức vụ sau đây:

a) Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã;

b) Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã.

2. Hội đồng nhân dân xã tổ chức lấy phiếu tín nhiệm một lần trong mỗi nhiệm kỳ vào kỳ họp thường lệ (khi có văn bản chỉ đạo của cấp trên).

3. Quy trình lấy phiếu tín nhiệm được thực hiện như sau:

a) Người được lấy phiếu tín nhiệm quy định tại khoản 1 Điều này có báo cáo bằng văn bản theo mẫu quy định gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 30

(ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi báo cáo của người được lấy phiếu tín nhiệm và báo cáo tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã (nếu có) đến đại biểu Hội đồng nhân dân xã chậm nhất là 20 (hai mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp.

c) Trường hợp đại biểu Hội đồng nhân dân xã thấy cần làm rõ vấn đề liên quan đến người được lấy phiếu tín nhiệm thì chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp tổ chức lấy phiếu tín nhiệm, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xác minh và trả lời bằng văn bản.

d) Chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thể gửi văn bản đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã và người được lấy phiếu tín nhiệm để yêu cầu người được lấy phiếu tín nhiệm làm rõ những nội dung thuộc căn cứ đánh giá tín nhiệm. Người được lấy phiếu tín nhiệm có trách nhiệm trả lời bằng văn bản gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã và đại biểu Hội đồng nhân dân xã có yêu cầu trước ngày lấy phiếu tín nhiệm.

đ) Tại kỳ họp, Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã quyết định danh sách những người được lấy phiếu tín nhiệm.

e) Hội đồng nhân dân xã bầu Ban kiểm phiếu.

f) Hội đồng nhân dân xã lấy phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Trên phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được lấy phiếu tín nhiệm, các mức độ: “tín nhiệm cao”, “tín nhiệm”, “tín nhiệm thấp”.

g) Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu.

h) Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua nghị quyết xác nhận kết quả lấy phiếu tín nhiệm theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

4. Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm.

Điều 13. Bỏ phiếu tín nhiệm

1. Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu trong các trường hợp sau đây:

a) Có kiến nghị của ít nhất một phần ba ($1/3$) tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

b) Có kiến nghị của Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã;

c) Người được lấy phiếu tín nhiệm có từ hai phần ba ($2/3$) tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã trở lên đánh giá tín nhiệm thấp.

2. Quy trình bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu.

a) Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

b) Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quyền trình bày ý kiến của mình trước Hội đồng nhân dân xã.

c) Hội đồng nhân dân xã thảo luận.

d) Hội đồng nhân dân xã thành lập Ban kiểm phiếu.

đ) Hội đồng nhân dân xã bỏ phiếu tín nhiệm bằng cách bỏ phiếu kín. Trên phiếu ghi rõ họ tên, chức vụ của người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm, các mức độ: “tín nhiệm”, “không tín nhiệm”.

e) Ban kiểm phiếu công bố kết quả kiểm phiếu đối với người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm.

f) Hội đồng nhân dân xã xem xét, thông qua nghị quyết xác nhận kết quả bỏ phiếu tín nhiệm đối với người giữ chức vụ do Hội đồng nhân dân xã bầu theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Người được đưa ra bỏ phiếu tín nhiệm có quá nửa tổng số đại biểu Hội đồng nhân dân xã đánh giá không tín nhiệm có thể xin từ chức; trường hợp không từ chức thì cơ quan hoặc người có thẩm quyền giới thiệu người đó có trách nhiệm trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định việc miễn nhiệm người không được Hội đồng nhân dân xã tín nhiệm.

Điều 14. Thông qua, ban hành và lưu trữ nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã

1. Trình tự thông qua dự thảo nghị quyết, đề án, báo cáo tại kỳ họp, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Văn phòng HĐND và UBND hoàn chỉnh các nghị quyết, báo cáo, biên bản của kỳ họp trình ký và phát hành theo quy định.

Các Ban của Hội đồng nhân dân xã được phân công thẩm tra nghị quyết có trách nhiệm tham gia hoàn chỉnh nội dung dự thảo nghị quyết; đồng thời, phối hợp với Văn phòng hoàn chỉnh về thể thức, kỹ thuật văn bản; báo cáo Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã cho ý kiến trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã ký.

3. Chậm nhất là 10 ngày kể từ ngày bế mạc kỳ họp, nghị quyết, đề án, báo cáo, biên bản của kỳ họp Hội đồng nhân dân xã phải được Thường trực Hội đồng nhân dân xã gửi lên Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh và Ủy ban Nhân dân tỉnh.

4. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phải được gửi đến các cơ quan, tổ chức, cá nhân để thực hiện. Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã được đăng trên Trang thông tin điện tử xã và đưa tin trên các phương tiện thông tin đại chúng ở địa phương, niêm yết và lưu trữ theo quy định của pháp luật.

5. Nghị quyết, văn bản, các tài liệu khác của mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân xã được lưu trữ theo quy định của pháp luật về lưu trữ.

Chương III

THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 15. Chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và nguyên tắc làm việc

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã là cơ quan thường trực của Hội đồng nhân dân xã gồm: Chủ tịch Hội đồng nhân dân, 01 Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoạt động chuyên trách và các Ủy viên là Trưởng ban của các Ban Hội đồng nhân dân; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều 31 Luật Tổ chức chính quyền địa phương, các quy định khác của pháp luật có liên quan và theo thông báo phân công nhiệm vụ cụ thể của HĐND xã; chịu trách nhiệm báo cáo công tác trước Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã làm việc theo nguyên tắc tập thể, thảo luận và quyết định theo đa số; đồng thời, phát huy trách nhiệm người đứng đầu và từng thành viên trong tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân xã đối với công việc theo lĩnh vực được phân công phụ trách.

Điều 16. Phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã họp thường kỳ mỗi tháng một lần. Trường hợp phát sinh vấn đề cấp bách, quan trọng cần phải có ý kiến thống nhất của tập thể Thường trực Hội đồng nhân dân xã thì đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định tổ chức phiên họp bất thường. Trường hợp không tổ chức họp được thì xin ý kiến Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã để tổ chức lấy ý kiến các thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã bằng văn bản.

2. Trước phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân, Trưởng các Ban của Hội đồng nhân dân xã gửi đề xuất nội dung cần thảo luận, quyết định tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã để tổng hợp nội dung và xây dựng chương trình phiên họp xin ý kiến đồng chí Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã trước khi trình Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã quyết định.

3. Trong các phiên họp thường kỳ hoặc bất thường, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có thể yêu cầu các cơ quan, tổ chức, cá nhân giải trình các vấn đề liên quan theo Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân hoặc trả lời chất vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

4. Tài liệu phiên họp được gửi đến thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã và các khách mời dự phiên họp chậm nhất là **03 ngày** trước ngày tổ chức phiên họp.

5. Thành viên Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các phiên họp; trường hợp không thể tham dự phiên họp phải báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

6. Đại diện các cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm dự họp đúng thành phần, trường hợp không

thể tham dự phiên họp thì phải thông báo tới đồng chí Phó Chủ tịch Thường trực để báo cáo Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã.

Điều 17. Phạm vi, thẩm quyền ký văn bản

1. Chủ tịch HĐND xã ký các Nghị quyết của HĐND, Nghị quyết của Thường trực HĐND, kết luận của phiên họp và các văn bản có tính chất quan trọng của Thường trực HĐND và các văn bản khác theo thẩm quyền.

2. Phó Chủ tịch HĐND thay mặt Thường trực HĐND ký các văn bản, báo cáo, tờ trình của Thường trực HĐND, các văn bản thường xuyên và ký các văn bản khác theo sự phân công, ủy quyền của Chủ tịch HĐND xã.

3. Những vấn đề quan trọng phải báo cáo xin ý kiến Thường trực HĐND trước khi ký văn bản:

a) Những vấn đề thuộc chủ trương, biện pháp quan trọng trong lĩnh vực được phân công phụ trách.

b) Những nội dung báo cáo các cơ quan tỉnh; báo cáo Thường trực Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy.

4. Ủy viên Thường trực HĐND thay mặt Thường trực HĐND ký các báo cáo và các văn bản khi được Chủ tịch phân công, ủy quyền.

Điều 18. Chế độ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí

1. Chủ tịch HĐND xã là người phát ngôn của HĐND xã, Thường trực HĐND xã; chỉ đạo trao đổi và cung cấp thông tin cho báo chí theo thẩm quyền hoặc ủy quyền cho Phó Chủ tịch HĐND xã phát ngôn, cung cấp thông tin cho báo chí về một số vấn đề cụ thể và có thời hạn nhất định. Người được ủy quyền phát ngôn và cung cấp thông tin không được ủy quyền tiếp cho người khác.

2. Chịu trách nhiệm về việc phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí. Người được ủy quyền chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Chủ tịch HĐND xã về nội dung phát ngôn và thông tin cung cấp cho báo chí.

3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND xã, Trưởng các Ban của HĐND xã có trách nhiệm chuẩn bị, tổng hợp các thông tin phục vụ phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí về những vấn đề cụ thể được giao.

4. Người phát ngôn, người được ủy quyền phát ngôn từ chối, không phát ngôn và cung cấp thông tin cho báo chí trong các trường hợp sau:

a) Những vấn đề thuộc bí mật nhà nước; những vấn đề bí mật thuộc nguyên tắc và quy định của Đảng; những vấn đề không thuộc quyền hạn phát ngôn.

b) Các vụ việc đang được thanh tra, điều tra, chưa xét xử hoặc đang trong quá trình giải quyết, chưa có kết luận chính thức của người có thẩm quyền mà theo quy định của pháp luật không được cung cấp thông tin cho báo chí.

c) Những văn bản chính sách, đề án đang trong quá trình soạn thảo mà theo quy định của pháp luật chưa được cấp có thẩm quyền cho phép phổ biến.

Điều 19. Tiếp công dân của Thường trực HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm tổ chức để đại biểu HĐND xã tiếp công dân ở địa bàn đại biểu ứng cử; chỉ đạo công khai lịch tiếp công dân của đại biểu HĐND xã

2. Văn phòng HĐND và UBND xã chịu trách nhiệm tham mưu xây dựng và công khai lịch tiếp công dân hằng tháng của Chủ tịch HĐND xã. Chủ tịch Hội đồng nhân dân trực tiếp tiếp công dân, hoặc có thể uỷ nhiệm cho Phó Chủ tịch HĐND xã tiếp công dân, nhưng ít nhất mỗi quý Chủ tịch HĐND xã phải bố trí thời gian 01 ngày để tiếp công dân.

3. Văn phòng HĐND và UBND xã căn cứ tình hình giải quyết kiến nghị cử tri, các vụ việc bức xúc, việc giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo phức tạp, kéo dài, tham mưu để Chủ tịch HĐND xã lựa chọn nội dung, thời gian, thành phần tham dự tiếp công dân.

4. Văn phòng HĐND và UBND xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu thông báo kết luận tiếp công dân của Chủ tịch Hội đồng nhân dân hoặc Phó Chủ tịch HĐND xã và gửi UBND xã và các cơ quan liên quan để giải quyết.

5. Văn phòng HĐND và UBND xã chịu trách nhiệm theo dõi và đôn đốc thực hiện kết luận tiếp công dân của Chủ tịch HĐND xã và tổng hợp kết quả tiếp công dân của đại biểu HĐND xã; định kỳ báo cáo Thường trực HĐND xã để giám sát việc thực hiện.

Chương IV

CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 20. Nhiệm vụ, quyền hạn của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Các Ban Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Khoản 3, Điều 32 Luật Tổ chức chính quyền địa phương.

2. Ngoài khoản 1 Điều này, các Ban Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ sau đây:

a) Đề xuất chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã theo quy định của Luật Tổ chức chính quyền địa phương và Điều 58 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

b) Căn cứ vào chương trình hoạt động hàng năm của Hội đồng nhân dân xã, tình hình thực tiễn và chức năng, nhiệm vụ của Ban, các Ban Hội đồng nhân dân xã xây dựng chương trình công tác tháng, quý và cả năm.

3. Tham gia chuẩn bị nội dung kỳ họp Hội đồng nhân dân xã thuộc lĩnh vực được phân công.

4. Tham mưu, đề nghị Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã ban hành nghị quyết của Hội đồng nhân dân đúng quy định của pháp luật.

5. Đề xuất kiến nghị với Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã về những vấn đề thuộc lĩnh vực phụ trách của Ban.

Điều 21. Số lượng thành viên, cơ cấu thành phần

1. Các Ban Hội đồng nhân dân xã (Ban Văn hóa xã hội, Ban Kinh tế - Ngân sách) là cơ quan của Hội đồng nhân dân xã, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định của pháp luật.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân xã có Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên là đại biểu Hội đồng nhân dân xã (mỗi Ban có 5 thành viên).

Điều 22. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động

1. Các Ban Hội đồng nhân dân xã hoạt động theo nguyên tắc tập trung dân chủ, thảo luận tập thể và quyết định theo đa số; chịu trách nhiệm và báo cáo công tác của Ban trước Thường trực Hội đồng nhân dân xã và Hội đồng nhân dân xã.

2. Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên của Ban chịu trách nhiệm tập thể về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban trước Hội đồng nhân dân xã.

Điều 23. Chế độ làm việc

1. Các Ban Hội đồng nhân dân xã ban hành quyết định phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên Ban phù hợp với quy định của pháp luật và Quy chế này.

2. Các Ban Hội đồng nhân dân xã họp ít nhất mỗi quý một lần để thảo luận và quyết định những vấn đề thuộc nhiệm vụ, quyền hạn của mình theo quy định của pháp luật. Các thành viên của Ban có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp của Ban, trong trường hợp không thể tham dự được thì phải báo cáo với Trưởng ban.

3. Báo cáo kết quả công tác với Hội đồng nhân dân xã vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm; báo cáo công tác (hàng tuần, tháng, quý) với Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo Quy chế này.

Điều 24. Nhiệm vụ, quyền hạn của Trưởng ban, Phó Trưởng ban và Ủy viên các Ban của Hội đồng nhân dân xã

1. Trưởng Ban Hội đồng nhân dân xã có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

a) Tham gia các hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã; thực hiện các nhiệm vụ do Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

b) Chỉ đạo, điều hành công việc chung của Ban, thay mặt Ban ký các văn bản do Ban phát hành.

c) Chỉ đạo công tác chuyên môn của Ban, chuẩn bị nội dung, chương trình làm việc và chủ trì cuộc họp của Ban.

d) Giữ mối liên hệ với các thành viên của Ban và thay mặt Ban giữ mối liên hệ với Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các cơ quan, tổ chức ở địa phương trên địa bàn xã.

e) Tổ chức hoạt động giám sát, khảo sát của Ban theo chương trình, kế hoạch đã được tập thể Ban thông qua hoặc theo sự phân công của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

g) Trình bày các báo cáo thẩm tra, báo cáo kết quả hoạt động của Ban tại kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

h) Đề nghị Thường trực Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn danh sách Ủy viên của Ban hoặc cho thôi làm Ủy viên của Ban do mình phụ trách.

i) Phân công nhiệm vụ cụ thể cho các thành viên Ban theo quy định.

2. Phó Trưởng ban Hội đồng nhân dân xã giúp Trưởng ban thực hiện nhiệm vụ của Ban theo sự phân công của Trưởng ban; điều hành các hoạt động của Ban khi Trưởng ban vắng mặt.

3. Các Ủy viên của Ban Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm tham gia đầy đủ các hoạt động của Ban; thực hiện các nhiệm vụ được Ban phân công. Các Ủy viên của Ban hoạt động kiêm nhiệm phải dành ít nhất 1/3 thời gian trong năm để thực hiện nhiệm vụ của Ban và nhiệm vụ đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

Điều 25. Quan hệ phối hợp công tác của các Ban Hội đồng nhân dân xã

1. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã phối hợp công tác và trao đổi kinh nghiệm hoạt động đối với các cơ quan, đơn vị, địa phương về những vấn đề có liên quan.

2. Ban của Hội đồng nhân dân xã cử thành viên tham gia hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã theo yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Ủy ban nhân dân xã, bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, có trách nhiệm cung cấp thông tin, tài liệu về những vấn đề mà các Ban của Hội đồng nhân dân xã đề nghị hoặc yêu cầu.

Chương V

TỔ ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN

Điều 26. Nhiệm vụ của Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Tổ chức giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên và nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã trên địa bàn hoặc về các vấn đề do Hội đồng nhân dân xã hoặc Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

2. Phối hợp tổ chức cho đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp xúc cử tri, thu thập ý kiến, kiến nghị của cử tri trước và sau kỳ họp Hội đồng nhân dân xã.

3. Đôn đốc, theo dõi đại biểu Hội đồng nhân dân xã tiếp công dân.

4. Trước 04 ngày kể từ ngày khai mạc kỳ họp thường lệ của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu sinh hoạt đề nghị cứu tài liệu, chuẩn bị đóng góp ý kiến tại kỳ họp, đồng thời đánh giá tình hình hoạt động của Tổ và bản kế hoạch công tác của Tổ trong thời gian tới.

Điều 27. Trách nhiệm Tổ trưởng, Tổ phó và các thành viên

1. Tổ trưởng điều hành công việc của Tổ đại biểu, bao gồm:

a) Chủ trì các cuộc họp Tổ, tổng hợp ý kiến thảo luận của đại biểu và các thành viên dự họp để phản ánh với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Phối hợp với Thường trực Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân, Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã tổ chức các cuộc tiếp xúc cử tri của đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

c) Tổ chức và phân công các thành viên trong Tổ thực hiện một số nội dung giám sát về tình hình thực hiện chính sách, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã trên địa bàn ứng cử. Báo cáo kết quả giám sát về Thường trực Hội đồng nhân dân xã; có văn bản kiến nghị, đề xuất đối với các cơ quan, đơn vị liên quan.

2. Tổ phó giúp Tổ trưởng điều hành hoạt động của Tổ đại biểu theo sự phân công của Tổ trưởng.

3. Các đại biểu trong Tổ đại biểu có trách nhiệm tham dự đầy đủ các cuộc họp do Tổ trưởng triệu tập, chấp hành sự phân công của Tổ trong việc tiếp xúc cử tri, báo cáo tổng hợp ý kiến cử tri; tham gia đầy đủ các hoạt động giám sát, khảo sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã khi được phân công hoặc mời tham gia.

Chương VI

ĐẠI BIỂU HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 28. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn theo quy định từ Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương và các văn bản có liên quan.

2. Ngoài khoản 1 Điều này, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ cụ thể sau:

a) Tham dự đầy đủ các kỳ họp theo chương trình kỳ họp; vắng mặt phải được Chủ tọa kỳ họp đồng ý.

b) Nghiên cứu chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và nắm bắt tình hình thực tế tại địa phương, chủ động đề xuất Hội đồng nhân dân xã xây dựng các cơ chế, chính sách thuộc thẩm quyền để phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh trên địa bàn; đề xuất chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

c) Tích cực tham gia góp ý nội dung các dự thảo nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thông qua việc phát biểu góp ý trực tiếp tại hội trường hoặc chỉnh sửa trực tiếp vào văn bản dự thảo; thể hiện rõ chính kiến đối với những dự thảo nghị quyết còn có nhiều ý kiến, phương án khác nhau.

d) Tích cực tranh luận, chất vấn, truy vấn đối với các vấn đề bức xúc của cử tri. Việc chất vấn, truy vấn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải tuân thủ quy định pháp luật và Điều 60 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

e) Đeo phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân xã, xuất trình thẻ đại biểu khi thực hiện nhiệm vụ đại biểu. Bảo quản, sử dụng, phù hiệu, thẻ đại biểu Hội đồng nhân dân xã theo đúng quy định.

Điều 29. Quyền hạn của đại biểu Hội đồng nhân dân xã

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền chất vấn Chủ tịch, Phó Chủ tịch, Ủy viên Ủy ban nhân dân xã (thực hiện theo Khoản 7, Điều 33 Luật Tổ chức chính quyền địa phương; Điều 60, Điều 69 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân).

2. Tham gia giám sát theo chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã; chương trình, kế hoạch giám sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban Hội

đồng nhân dân xã. Chịu trách nhiệm và báo cáo về hoạt động giám sát của mình thông qua hoạt động tiếp xúc cử tri.

3. Hoạt động tiếp công dân, xử lý đơn khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân của đại biểu Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo Quy chế tiếp công dân, xử lý đơn thư khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của Hội đồng nhân dân xã.

4. Được cấp giấy chứng nhận đại biểu Hội đồng nhân dân xã; được hỗ trợ các khoản kinh phí theo quy định

5. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã phải liên hệ chặt chẽ với cử tri địa phương nơi mình thực hiện nhiệm vụ đại biểu, chịu sự giám sát của cử tri, có trách nhiệm thu thập và phản ánh trung thực ý kiến, nguyện vọng, kiến nghị của cử tri với Hội đồng nhân dân xã; bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của cử tri.

6. Tuyên truyền vận động nhân dân thực hiện chính sách của Đảng, pháp luật của Nhà nước, nghị quyết, chỉ thị, quy định của cấp ủy, chính quyền các cấp. Tham dự đầy đủ các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức nghiệp vụ dành riêng cho đại biểu Hội đồng nhân dân theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 30. Về thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân xã và bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã

Việc thôi làm nhiệm vụ đại biểu, tạm đình chỉ và mất quyền đại biểu Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo Điều 38 Luật tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật

Việc bãi nhiệm đại biểu Hội đồng nhân dân xã được quy định tại Điều 38 Luật tổ chức chính quyền địa phương và các quy định khác của pháp luật.

Chương VII

HOẠT ĐỘNG GIÁM SÁT CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, THƯỜNG TRỰC HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ, CÁC BAN HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

Điều 31. Nguyên tắc giám sát và thẩm quyền giám sát

1. Nguyên tắc giám sát

- Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật.
- Bảo đảm khách quan, công khai, minh bạch, hiệu quả.
- Không làm cản trở đến hoạt động bình thường của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

2. Thẩm quyền giám sát

- Hội đồng nhân dân xã giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật ở địa phương và việc thực hiện nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; giám sát hoạt động của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã và các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

- Thường trực HĐND xã có trách nhiệm xây dựng kế hoạch giám sát và tổ chức đôn đốc, kiểm tra hoạt động của UBND cùng cấp, các cơ quan khác của Nhà nước, các tổ chức kinh tế, tổ chức chính trị xã hội và đơn vị vũ trang nhân dân ở địa phương thực hiện Nghị quyết HĐND xã. Kiểm tra, giám sát việc thi hành pháp luật tại địa phương.

- Khi cần thiết có quyền yêu cầu các cơ quan tổ chức nói trên báo cáo trực tiếp hoặc bằng văn bản về tình hình chấp hành pháp luật và việc thực hiện Nghị quyết HĐND, kịp thời tiến hành các biện pháp cần thiết, đảm bảo thực hiện Nghị quyết HĐND hoặc ngăn chặn những việc làm xâm hại của Nhà nước và của nhân dân ở địa phương.

- Phối hợp với UBND xã giải quyết những vấn đề phát sinh khi thực hiện Nghị quyết của HĐND trong thời gian giữa hai kỳ họp HĐND, xem xét quyết định điều chỉnh, bổ sung những biện pháp bảo đảm thực hiện Nghị quyết HĐND theo đề nghị của UBND xã và báo cáo HĐND tại kỳ họp gần nhất.

Điều 32. Chương trình giám sát hằng năm

1. Chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân xã được Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định vào kỳ họp giữa năm của năm trước và được thực hiện theo trình tự sau đây:

a) Chậm nhất là ngày 01 tháng 3 của năm trước, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ban thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã gửi đề nghị, kiến nghị giám sát đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã để tổng hợp, rà soát và trình Hội đồng nhân dân xã. Đề nghị, kiến nghị giám sát phải nêu rõ sự cần thiết, nội dung, phạm vi, đối tượng giám sát.

b) Chậm nhất 30 (ba mươi) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Thường trực HĐND xã tổng hợp đề nghị, kiến nghị giám sát

c) Chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày khai mạc kỳ họp giữa năm, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận và lập Tờ trình dự kiến chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân xã để trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân xã ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện chương trình giám sát của Hội đồng nhân dân, trừ trường hợp quy định tại Điều 62 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân về giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện chương trình giám sát hằng năm của Hội đồng nhân dân.

Điều 33. Hoạt động giám sát, khảo sát của Hội đồng nhân dân và các Ban Hội đồng nhân dân xã

- Hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân xã được thực hiện theo Điều 21 của luật tổ chức chính quyền địa phương

- Hoạt động giám sát của các Ban HĐND xã

a. Thẩm tra các báo cáo, đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết do Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công.

b. Giám sát quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

c. Giám sát, khảo sát chuyên đề theo sự phân công của Hội đồng nhân dân xã và Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

d. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị của công dân.

Điều 34. Quy định về giám sát việc thi hành pháp luật ở địa phương

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã thường xuyên theo dõi, xem xét việc thi hành pháp luật tại địa phương.

2. Khi tiến hành giám sát, khảo sát, đại biểu Hội đồng nhân dân xã có những nhiệm vụ, quyền hạn sau đây:

a) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát, khảo sát;

b) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; trường hợp cơ quan, tổ chức không thực hiện hoặc đại biểu Hội đồng nhân dân xã không đồng ý với việc giải quyết thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét giải quyết;

c) Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, khảo sát, đại biểu Hội đồng nhân dân xã báo cáo kết quả giám sát với Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

Điều 35. Xem xét báo cáo

1. Tại kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm Hội đồng nhân dân xã xem xét, thảo luận các báo cáo sau:

a) Báo cáo công tác 06 tháng, hằng năm của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

b) Báo cáo của Ủy ban nhân dân xã về kinh tế - xã hội; về thực hiện ngân sách nhà nước, quyết toán ngân sách nhà nước của địa phương; về công tác phòng, chống tham nhũng; về thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; về công tác phòng, chống tội phạm và vi phạm pháp luật; về việc giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của cử tri.

c) Báo cáo khác theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

2. Tại kỳ họp tổng kết cuối nhiệm kỳ, Hội đồng nhân dân xã xem xét, thảo luận các báo cáo công tác nhiệm kỳ của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Ban của Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã.

3. Theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã thẩm tra các báo cáo quy định tại khoản 1 Điều này, trừ báo cáo của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

4. Hội đồng nhân dân xã xem xét, thảo luận báo cáo theo trình tự sau đây:

a) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo trình bày báo cáo;

b) Trưởng Ban của Hội đồng nhân dân xã trình bày báo cáo thẩm tra;

c) Người đứng đầu cơ quan có báo cáo có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan mà Hội đồng nhân dân xã quan tâm;

d) Hội đồng nhân dân xã thảo luận; có thể ra nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo.

5. Nghị quyết về công tác của cơ quan có báo cáo phải có những nội dung cơ bản sau đây:

- a) Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân của hạn chế, bất cập; trách nhiệm của cơ quan có báo cáo và người đứng đầu;
- b) Thời hạn khắc phục hạn chế, bất cập;
- c) Trách nhiệm thi hành của cơ quan, cá nhân;
- d) Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết về giám sát.

Điều 36. Giám sát văn bản quy phạm pháp luật

1. Đại biểu Hội đồng nhân dân xã

a) Có trách nhiệm nghiên cứu, xem xét nội dung quyết định.

b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì đại biểu Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản quy phạm pháp luật.

2. Hội đồng nhân dân xã

a) Hội đồng nhân dân xã xem xét quyết định của Ủy ban nhân dân xã, nghị quyết của Hội đồng nhân dân có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của mình theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã

b) Hội đồng nhân dân xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, khoản 2 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình bày tờ trình;
- Hội đồng nhân dân xã thảo luận.
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết về việc xem xét văn bản.

c) Nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã phải xác định văn bản quy phạm pháp luật trái hoặc không trái với Hiến pháp, luật, văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã; trường hợp văn bản quy phạm pháp luật trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì quyết định bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã

a) Có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân xã .

b) Xem xét các quyết định của Ủy ban nhân dân xã có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- Khi phát hiện văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã;

- Theo đề nghị của Ban của Hội đồng nhân dân xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã;

- Theo đề nghị của Ủy ban nhân dân xã, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã.

c) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm chủ trì, phối hợp thẩm tra đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thuộc lĩnh vực phụ trách theo sự phân công của Thường trực Hội đồng nhân dân xã. Riêng đề nghị về văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp giao cho Ban Pháp chế chủ trì thẩm tra.

d) Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, khoản 3 Điều này theo trình tự sau đây:

- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân có đề nghị trình bày;
- Trưởng hoặc Phó các Ban của Hội đồng nhân dân xã trình bày báo cáo thẩm tra;
- Đại diện cơ quan, tổ chức được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- Người đứng đầu cơ quan đã ban hành văn bản quy phạm pháp luật báo cáo, giải trình;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- Chủ tọa cuộc họp kết luận.

đ) Khi xét thấy văn bản quy phạm pháp luật có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan ban hành văn bản sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản; trường hợp cơ quan ban hành văn bản không thực hiện yêu cầu thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

4. Các Ban Hội đồng nhân dân xã

a) Trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm thường xuyên theo dõi việc ban hành quyết định của Ủy ban nhân dân xã.

b) Trường hợp phát hiện văn bản quy phạm pháp luật quy định tại điểm a, khoản 4 Điều này có dấu hiệu trái với Hiến pháp, luật, văn bản quy phạm pháp luật của cơ quan nhà nước cấp trên, nghị quyết của Hội đồng nhân dân xã thì các Ban Hội đồng nhân dân xã có quyền yêu cầu cơ quan đã ban hành văn bản đó xem xét, sửa đổi, bổ sung, đình chỉ việc thi hành hoặc bãi bỏ một phần hoặc toàn bộ văn bản đó.

c) Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu, cơ quan đã ban hành văn bản phải thông báo cho các Ban của Hội đồng nhân dân xã biết việc giải quyết; nếu quá

thời hạn này mà không trả lời hoặc giải quyết không đáp ứng với yêu cầu thì các Ban của Hội đồng nhân dân xã có quyền kiến nghị với Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 37. Giải trình tại phiên họp Thường trực Hội đồng nhân dân xã

1. Căn cứ vào chương trình giám sát, Thường trực Hội đồng nhân dân xã yêu cầu thành viên của Ủy ban nhân dân xã, các bộ phận có liên quan tham gia giải trình vấn đề mà Thường trực Hội đồng nhân dân xã quan tâm.

2. Việc tổ chức giải trình, nội dung, kế hoạch tổ chức giải trình, trình tự tiến hành phiên giải trình được thực hiện theo khoản 4, Điều 72 Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội và Hội đồng nhân dân.

3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân xã về vấn đề đã giải trình; trường hợp không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ thì Thường trực Hội đồng nhân dân xã báo cáo Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Điều 38. Giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh của công dân

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã giám sát việc thi hành pháp luật về khiếu nại, tố cáo; tổ chức Đoàn giám sát hoặc giao cho các Ban của Hội đồng nhân dân xã giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo tại địa phương.

2. Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật; trường hợp không đồng ý với việc giải quyết của cơ quan, tổ chức, cá nhân đó thì yêu cầu người đứng đầu cơ quan, tổ chức cấp trên trực tiếp xem xét, giải quyết.

Cơ quan, tổ chức, cá nhân có trách nhiệm thực hiện yêu cầu của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và báo cáo kết quả thực hiện với Thường trực Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 07 (bảy) ngày và các Ban của Hội đồng nhân dân xã trong thời hạn 10 (mười) ngày kể từ ngày ra quyết định giải quyết.

Điều 39. Giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri và chuẩn bị báo cáo giám sát việc giải quyết kiến nghị của cử tri của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền trình Hội đồng nhân dân xã.

2. Ủy ban nhân dân xã báo cáo kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo việc giải quyết kiến nghị của cử tri theo trình tự sau đây:

- a) Đại diện Ủy ban nhân dân xã hoặc cơ quan trực thuộc Ủy ban nhân dân xã được Ủy ban nhân dân xã ủy quyền trình bày báo cáo;
- b) Cơ quan thẩm tra trình bày báo cáo thẩm tra;
- c) Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- d) Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận;
- đ) Chủ tọa phiên họp kết luận.

4. Thường trực Hội đồng nhân dân xã chỉ đạo xây dựng báo cáo đánh giá giám sát kết quả giải quyết kiến nghị của cử tri và dự thảo nghị quyết về việc giải quyết kiến nghị của cử tri trình Hội đồng nhân dân xã.

Điều 40. Giám sát chuyên đề

1. Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình giám sát hằng năm.

2. Các Ban của Hội đồng nhân dân xã thực hiện giám sát chuyên đề theo chương trình, kế hoạch giám sát hằng năm hoặc qua giám sát việc giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân, qua phương tiện thông tin đại chúng, ý kiến, kiến nghị của cử tri phát hiện có dấu hiệu vi phạm pháp luật hoặc được Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã giao.

Điều 41. Quy trình giám sát chuyên đề

1. Thành lập Đoàn giám sát

a) Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết hoặc quyết định thành lập Đoàn giám sát của Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã do Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã hoặc Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân xã làm Trưởng đoàn theo đề nghị của Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã ra quyết định thành lập Đoàn giám sát của các Ban của Hội đồng nhân dân xã do Trưởng Ban hoặc Phó Trưởng Ban làm Trưởng đoàn theo đề nghị của các Ban của Hội đồng nhân dân xã.

c) Quyết định thành lập Đoàn giám sát chuyên đề phải xác định rõ đối tượng, phạm vi, nội dung, kế hoạch giám sát, thành phần Đoàn giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

d) Thành viên đoàn giám sát gồm: Ủy viên của Thường trực Hội đồng nhân dân xã, đại diện Ban của Hội đồng nhân dân xã và một số đại biểu Hội đồng nhân dân xã. Đại diện Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam xã, tổ chức thành viên của Mặt trận có thể được mời tham gia Đoàn giám sát khi có vấn đề liên quan.

2. Nhiệm vụ, quyền hạn của Đoàn giám sát

a) Xây dựng đề cương báo cáo để cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo;

b) Thông báo nội dung, kế hoạch, đề cương báo cáo cho cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày ban hành quyết định thành

lập Đoàn giám sát; thông báo chương trình và thành phần Đoàn giám sát chậm nhất là 10 (mười) ngày trước ngày Đoàn giám sát tiến hành làm việc với cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát;

c) Thực hiện đúng nội dung, kế hoạch giám sát;

d) Yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát báo cáo bằng văn bản, cung cấp thông tin, tài liệu có liên quan đến nội dung giám sát, giải trình vấn đề mà Đoàn giám sát quan tâm;

đ) Xem xét, xác minh, mời tham vấn các cơ quan, chuyên môn về vấn đề mà Đoàn giám sát xét thấy cần thiết;

e) Khi phát hiện có hành vi vi phạm pháp luật, gây thiệt hại đến lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân thì Đoàn giám sát có quyền yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân hữu quan áp dụng các biện pháp cần thiết để kịp thời chấm dứt hành vi vi phạm pháp luật và khôi phục lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân bị vi phạm; yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền xử lý, xem xét trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm theo quy định của pháp luật;

g) Trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát

- Đối với giám sát chuyên đề của Hội đồng nhân dân xã: Khi kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Hội đồng nhân dân xã xem xét tại kỳ họp gần nhất. Trước khi báo cáo Hội đồng nhân dân xã, Đoàn giám sát báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã về kết quả giám sát.

- Đối với giám sát chuyên đề hoặc khảo sát của Thường trực Hội đồng nhân dân xã: Chậm nhất là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát để Thường trực Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định. Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm báo cáo kết quả giám sát với Hội đồng nhân dân xã vào kỳ họp thường lệ giữa năm và cuối năm.

- Đối với giám sát chuyên đề của Ban Hội đồng nhân dân xã: Chậm nhất là 10 (mười) ngày kể từ ngày kết thúc hoạt động giám sát, Đoàn giám sát phải báo cáo kết quả giám sát với Ban của Hội đồng nhân dân xã để thảo luận, thống nhất báo cáo Thường trực Hội đồng nhân dân xã.

3. Xem xét kết quả giám sát của Đoàn giám sát

a) Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau:

Đoàn giám sát báo cáo kết quả giám sát, khảo sát;

Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, khảo sát báo cáo, giải trình;

Hội đồng nhân dân xã thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát có thể trình bày bổ sung về những vấn đề liên quan;

Hội đồng nhân dân xã ra nghị quyết về vấn đề được giám sát, khảo sát. Nội dung nghị quyết giám sát chuyên đề có những nội dung cụ thể như sau:

- Đánh giá kết quả đạt được, những hạn chế, bất cập và nguyên nhân hạn chế, bất cập liên quan đến chuyên đề giám sát; trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và người đứng đầu cơ quan, tổ chức có liên quan.

- Thời gian khắc phục hạn chế, bất cập;
- Trách nhiệm thi hành của cơ quan, tổ chức, cá nhân;
- Trách nhiệm báo cáo kết quả thực hiện nghị quyết.

Nghị quyết giám sát chuyên đề được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát và cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

b) Thường trực Hội đồng nhân dân xã

Trong thời hạn 7 (bảy) ngày, kể từ ngày nhận được báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát, khảo sát, Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm xem xét báo cáo theo trình tự sau đây:

- Đoàn giám sát, khảo sát trình bày báo cáo;
- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, khảo sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- Thường trực Hội đồng nhân dân xã thảo luận. Trong quá trình thảo luận, đại diện Đoàn giám sát, khảo sát có thể trình bày bổ sung những vấn đề có liên quan;
- Chủ tọa cuộc họp kết luận. Kết luận của Thường trực Hội đồng nhân dân xã được gửi đến cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát, khảo sát và các cơ quan, tổ chức có liên quan.

Thường trực Hội đồng nhân dân xã có trách nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã đề nghị Hội đồng nhân dân xã xem xét báo cáo kết quả giám sát của Đoàn giám sát tại kỳ họp gần nhất.

c) Các Ban của Hội đồng nhân dân xã

Căn cứ vào tính chất, nội dung của vấn đề được giám sát, khảo sát các Ban tổ chức phiên họp để xem xét, thảo luận về báo cáo của Đoàn giám sát theo trình tự sau đây:

- Trưởng Đoàn giám sát trình bày báo cáo;
- Đại diện cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát được mời tham dự phiên họp phát biểu ý kiến;
- Thành viên các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu thảo luận;
- Chủ tọa phiên họp kết luận; các Ban của Hội đồng nhân dân biểu quyết khi xét thấy cần thiết.

Báo cáo kết quả giám sát của các Ban Hội đồng nhân dân xã phải nêu rõ kiến nghị về các biện pháp cần thiết; phải được gửi đến Thường trực Hội đồng nhân dân xã, Hội đồng nhân dân xã và cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

Điều 42. Trách nhiệm giám sát và thực hiện các kiến nghị sau giám sát

1. Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã có trách

nhiệm theo dõi kết quả giải quyết kiến nghị của cơ quan, tổ chức, cá nhân chịu sự giám sát.

2. Trong trường hợp cần thiết, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã có thể trình Hội đồng nhân dân xã tại kỳ họp gần nhất về kết quả thực hiện các kiến nghị sau giám sát của các cơ quan chức năng để Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định.

Chương VIII

MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN XÃ

MỤC 1: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA THƯỜNG TRỰC HĐND XÃ

Điều 43. Đối với HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và các cơ quan của tỉnh

1. Thường trực HĐND xã định kỳ 6 tháng, năm báo cáo hoạt động của HĐND xã và gửi các tài liệu kỳ họp HĐND xã lên Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh.

2. Thành viên Thường trực HĐND xã tham dự các hoạt động của HĐND tỉnh, Thường trực HĐND tỉnh, UBND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh và các cơ quan của tỉnh khi được mời hoặc theo sự phân công của Chủ tịch HĐND xã.

3. Phối hợp chặt chẽ với Thường trực HĐND tỉnh, các Ban HĐND tỉnh, Tổ đại biểu HĐND tỉnh khi thực hiện giám sát trên địa bàn xã và khi có yêu cầu góp ý dự thảo luật, nghị quyết, trao đổi kinh nghiệm hoạt động, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng hoạt động cho đại biểu HĐND tại xã.

Điều 44. Đối với Đảng ủy, Ban Thường vụ và Thường trực Đảng ủy

1. Thường trực HĐND xã chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo và chấp hành nghiêm túc chế độ báo cáo tình hình hoạt động của HĐND xã, Thường trực HĐND xã theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã và khi có yêu cầu.

2. Thường trực HĐND xã có trách nhiệm tham mưu để báo cáo và đề xuất Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy, Thường trực Đảng ủy các chủ trương, chỉ đạo nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của HĐND xã; những vấn đề liên quan đến chương trình hoạt động, nhất là nội dung quan trọng tại các kỳ họp HĐND theo Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ xã.

Điều 45. Quan hệ công tác với UBND và Chủ tịch UBND xã

1. Giữa hai kỳ họp Hội đồng nhân dân, Thường trực HĐND xã phối hợp UBND Xã chỉ đạo triển khai, thực hiện các Nghị quyết của HĐND xã đã ban hành; chỉ đạo các cơ quan chuyên môn chuẩn bị tờ trình, đề án, dự thảo nghị quyết và các hồ sơ, tài liệu để trình HĐND xã tại kỳ họp.

2. Thường trực HĐND xã đôn đốc, kiểm tra, giám sát chương trình hoạt động UBND xã trong tổ chức thực hiện các Nghị quyết của HĐND xã.

3. Thường trực HĐND xã phân công các Ban của Hội đồng nhân dân tham gia phối hợp UBND cùng cấp và các cơ quan chuyên môn trong việc chuẩn bị đề án, tờ trình, dự thảo nghị quyết phục vụ cho kỳ họp HĐND xã.

4. Chủ tịch HĐND xã và Chủ tịch UBND cùng cấp có trách nhiệm chỉ đạo giải quyết các vấn đề phát sinh giữa hai kỳ họp; thống nhất chỉ đạo Thường trực HĐND xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã và UBND, các Sở, ban, ngành xã thực hiện theo thẩm quyền. Trường hợp cần thiết, báo cáo hoặc trình HĐND xã xem xét quyết định

Điều 46. Đối với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy

Căn cứ vào yêu cầu công tác, chỉ đạo của Ban Thường vụ, Thường trực Đảng ủy, Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ, hiệu quả với các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy đảm bảo các hoạt động của Thường trực HĐND xã theo đúng chủ trương, chỉ đạo của Đảng.

Điều 47. Đối với Ủy ban MTTQ Việt Nam xã

1. Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ với Ban Thường trực Ủy ban MTTQ Việt Nam xã trong việc tổ chức cho đại biểu HĐND xã tiếp xúc cử tri; tổng hợp ý kiến, kiến nghị của cử tri và báo cáo kết quả giám sát việc giải quyết các kiến nghị của cử tri để báo cáo với HĐND xã.

2. Thường trực HĐND xã chủ động mời địa diện Ủy ban MTTQ Việt Nam xã tham gia hoạt động giám sát cùng Thường trực, các Ban của HĐND xã.

3. Chủ tịch Ủy ban MTTQ Việt Nam xã và người đứng đầu tổ chức chính trị - xã hội xã được mời tham dự các kỳ họp HĐND xã.

4. Thường trực HĐND xã thông báo bằng văn bản đến Ủy ban MTTQ xã về tình hình hoạt động 6 tháng và cả năm của Thường trực HĐND xã.

5. Thường trực HĐND xã phối hợp chặt chẽ với Ủy ban MTTQ xã trong công tác bầu cử đại biểu HĐND các cấp.

Điều 48. Đối với các Ban của HĐND xã, các Tổ đại biểu HĐND xã

1. Thường trực HĐND xã chỉ đạo, điều hòa chương trình hoạt động của các Ban của HĐND xã, tạo điều kiện và đôn đốc các Ban hoạt động theo quy định của pháp luật.

2. Đôn đốc các Tổ đại biểu HĐND xã hoạt động theo đúng quy định; tạo điều kiện cho đại biểu và Tổ đại biểu HĐND xã hoạt động có hiệu quả. Tổng hợp, xử lý các kiến nghị của Tổ đại biểu, đại biểu HĐND xã theo thẩm quyền và báo cáo HĐND xã khi xét thấy cần thiết. Theo dõi, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện các chính sách, chế độ đối với đại biểu HĐND xã.

Điều 49. Đối với Văn phòng HĐND và UBND xã

Văn phòng HĐND và UBND xã có trách nhiệm bảo đảm điều kiện vật chất, tổ chức tham mưu, giúp việc, phục vụ hiệu quả các hoạt động của Thường trực HĐND xã theo quy định.

MỤC 2: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA BAN HĐND XÃ

Điều 50. Quan hệ phối hợp công tác giữa Ban của HĐND xã với UBND và các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Xã

1. Các Ban của HĐND xã trong phạm vi lĩnh vực chuyên môn phụ trách hoặc được Thường trực Hội đồng nhân dân xã phân công có trách nhiệm phối hợp chặt chẽ với cơ quan

chủ trì soạn thảo dự thảo nghị quyết, báo cáo, đề án do Ủy ban nhân dân xã trình kỳ họp HĐND xã để tổ chức thẩm tra theo quy định của pháp luật.

2. Các Ban của HĐND xã tổ chức giám sát hoạt động của UBND xã, các cơ quan chuyên môn thuộc UBND xã và chính quyền các cấp thuộc Xã; giám sát văn bản quy phạm pháp luật theo quy định.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, lĩnh vực được phụ trách và trên cơ sở tình hình hoạt động thực tiễn, các Ban của HĐND xã có thể ký kết quy chế phối hợp hoạt động với các cơ quan khác của Xã.

Điều 51. Đối với HĐND, Thường trực HĐND xã

1. Thực hiện các công việc của Ban theo sự điều hòa, phối hợp hoạt động chung của Thường trực HĐND xã.

2. Báo cáo kịp thời và thường xuyên kết quả công tác của Ban với Hội đồng nhân dân và Thường trực HĐND xã.

3. Lãnh đạo, thành viên Ban tham gia các chương trình, hoạt động của Thường trực HĐND xã.

4. Đối với các công việc phát sinh giữa hai kỳ họp thuộc lĩnh vực phụ trách, lãnh đạo chuyên trách của Ban có trách nhiệm triển khai theo phân công của Thường trực HĐND xã, tham mưu giúp Thường trực HĐND xã giải quyết đảm bảo yêu cầu.

5. Trong hoạt động giám sát, khảo sát, Ban báo cáo với Thường trực HĐND xã kết quả thực hiện, các kiến nghị, đề xuất sau giám sát, khảo sát.

6. Trước mỗi kỳ họp Hội đồng nhân dân xã, các Ban báo cáo với Thường trực HĐND xã nội dung, vấn đề lớn cần xin ý kiến thuộc lĩnh vực Ban phụ trách.

7. Thực hiện các công việc khác theo phân công, điều hòa của Thường trực HĐND xã.

MỤC 3: MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC CỦA TỔ ĐẠI BIỂU HĐND XÃ

Điều 52. Quan hệ công tác giữa Tổ đại biểu HĐND xã với Thường trực HĐND xã

Tổ đại biểu HĐND xã tổng hợp báo cáo kết quả công tác, kết quả tiếp xúc cử tri của đại biểu HĐND xã, tổng hợp kiến nghị của cử tri gửi đến Thường trực HĐND xã để báo cáo kỳ họp và chuyển cơ quan có thẩm quyền xem xét, giải quyết theo quy định.

MỤC 4: ĐIỀU KIỆN ĐẢM BẢO HOẠT ĐỘNG

Điều 53. Điều kiện bảo đảm hoạt động

1. Thường trực HĐND xã chỉ đạo việc đảm bảo các điều kiện hoạt động của HĐND, Thường trực HĐND, các Ban HĐND, Tổ đại biểu HĐND và đại biểu HĐND xã theo quy định.

2. Văn phòng HĐND và UBND xã chịu trách nhiệm chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tham mưu với Thường trực HĐND xã trình HĐND xã các nội dung tại khoản 1 Điều này.

Điều 54. Chế độ, chính sách, khen thưởng

1. Đại biểu của Hội đồng nhân dân xã được hưởng các chế độ, chính sách do pháp luật quy định; được cấp và sử dụng phù hiệu đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân đại biểu Hội đồng nhân dân xã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được xét khen thưởng theo quy định của pháp luật.

3. Thường trực Hội đồng nhân dân xã hướng dẫn chi tiết công tác thi đua, khen thưởng của Hội đồng nhân dân xã theo quy định.

4. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm hướng dẫn thực hiện việc khen thưởng cho các đối tượng trên theo quy định hiện hành.

Chương IX

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 55. Trách nhiệm thi hành

Hội đồng nhân dân xã, Thường trực Hội đồng nhân dân xã, các Ban của Hội đồng nhân dân xã, Tổ đại biểu HĐND xã, đại biểu Hội đồng nhân dân xã, Ủy ban nhân dân xã, các bộ phận chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân xã, có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

Ủy ban Mặt trận TQVN xã, các tổ chức chính trị xã hội của xã phối hợp thực hiện quy chế này.

Điều 57. Sửa đổi, bổ sung

1. Trong trường hợp các quy định của Trung ương, tỉnh về tổ chức, hoạt động của Hội đồng nhân dân, Thường trực Hội đồng nhân dân, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân xã có thay đổi thì thực hiện theo quy định mới của Trung ương, của tỉnh.

2. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng nhân dân xã xem xét, quyết định./.